

Số: 689/QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong việc giám sát và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 84/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02/08/2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 151/2009/TT-BTC ngày 23/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 127/2008/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý quỹ;

Căn cứ Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Phát hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong việc giám sát và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Quy chế phối hợp giám sát).

Điều 2. Thời hạn thực hiện các bước trong Quy chế phối hợp giám sát căn cứ trên Quy trình nội bộ của từng đơn vị.

Điều 3. Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước căn cứ vào Quy chế phối hợp giám sát tiến hành giám sát, xử lý theo thẩm quyền quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giám sát ban hành theo Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, QLPH (15b).

CHỦ TỊCH



Vũ Bằng

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong việc giám sát và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán
(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích ban hành

Quy chế này được ban hành để tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) với Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (TTLKCK) trong việc giám sát tuân thủ và xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán nhằm góp phần nâng cao tính hiệu quả và khả năng giám sát xử lý vi phạm trên thị trường chứng khoán.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Các Vụ chức năng của UBCKNN, SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm chủ động giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng giám sát theo chức năng, quyền hạn của từng đơn vị. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chủ trì để tham mưu Lãnh đạo UBCKNN trong việc tăng cường giám sát và xử lý các vi phạm trên thị trường chứng khoán.
- UBCKNN giám sát và xử lý hành vi vi phạm đối với toàn bộ thị trường và giám sát tuân thủ đối với SGDCK, TTLKCK theo quy định của pháp luật.
- Phân công giữa tuyến 1 và tuyến 2:
 - + Các đơn vị tuyến 1: là đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm chính thực hiện các nội dung giám sát, là đầu mối yêu cầu đối tượng giải trình, phân tích, đánh giá, xác định rõ dấu hiệu vi phạm và xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp có hai đơn vị cùng thuộc tuyến 1, hai đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện giám sát đồng thời.
 - + Các đơn vị tuyến 2: là các Vụ chức năng thuộc UBCKNN, chịu trách nhiệm xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý các vi phạm sau khi các đơn vị tuyến 1 hoàn tất chuyển sang.

3. Đối tượng điều chỉnh

3.1 Chủ thể giám sát

- a) UBCKNN: Các Vụ chức năng thuộc UBCKNN thực hiện chức năng giám sát tuân thủ đối với các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán theo thẩm quyền và quy định của pháp luật bao gồm: Vụ Quản lý phát hành (QLPH), Vụ Quản lý kinh doanh (QLKD), Vụ Quản lý Quỹ (QLQ), Vụ Giám sát (GS) và Cơ quan đại diện UBCKNN tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) SGDCK: Giám sát tuân thủ đối với các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.
- c) TTLKCK: Giám sát tuân thủ đối với các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán và cung cấp thông tin theo chức năng, nhiệm vụ.

3.2 Đối tượng giám sát

- a) Công ty đại chúng: công ty niêm yết, công ty đại chúng chưa niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.
- b) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.
- c) Tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán, tổ chức phát hành chứng khoán.
- d) Tổ chức/cá nhân thực hiện chào mua công khai.
- e) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ và người có liên quan của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng, nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng.

3.3 Tổ chức công tác giám sát

- UBCKNN chịu trách nhiệm giám sát mọi hoạt động trên thị trường chứng khoán đối với các đối tượng nêu tại Điểm 3.2 Mục I của Quy chế này; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
- SGDCK chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp đối với hoạt động của tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ niêm yết, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng và nhà đầu tư theo các nội dung nêu tại phần II của quy chế này; chịu trách nhiệm xác định rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật, xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBCKNN để tiếp tục xử lý các dấu hiệu vi phạm, hành vi vi phạm vượt thẩm quyền và cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN.
- TTLKCK có trách nhiệm chủ động thực hiện giám sát và cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và theo đề nghị của SGDCK nhằm phối hợp thực hiện giám sát và xử lý các vi phạm trên thị trường chứng khoán.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Các đơn vị thực hiện chức năng giám sát

Các đơn vị thực hiện việc giám sát tuyển 1 và tuyển 2 theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trên các nội dung chính như sau:

Nội dung giám sát	Tuyển 1	Tuyển 2
I. Nhóm nội dung giám sát thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin		
1.1 Giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo và nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ ETF, quỹ bất động sản.	SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.	QLQ	
g) Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn.	QLQ	
h) Văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.	QLQ	
i) Ngân hàng lưu ký, giám sát.	QLQ	
j) Thành viên lưu ký tài sản của nhà đầu tư nước ngoài.	TTLKCK SGDCK	QLQ
1.2 Giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin về giao dịch cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ và người có liên quan của các đối tượng sau:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK	GS
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ ETF, quỹ bất động sản.	SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLQ	
II. Nhóm nội dung giám sát về quản trị công ty		
2.1 Giám sát việc lập trang thông tin điện tử (website) và việc thực hiện công bố thông tin trên website đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ quản lý quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ ETF, quỹ bất động sản.	SGDCK	QLQ



f) Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn.	QLQ	
2.2 Giám sát nội dung công bố thông tin về tình hình quản trị công ty đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch	SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch	SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLQ	
2.3 Giám sát nội dung công bố thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu họp ĐHĐCĐ đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ ETF, quỹ bất động sản.	SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLQ	
2.4 Giám sát việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch.	SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLQ	
III. Nhóm nội dung giám sát giao dịch thao túng nội gián: Giám sát diễn biến giao dịch chứng khoán; Phân tích, đánh giá các giao dịch có dấu hiệu bất thường.	SGDCK GS	GS
IV. Các nhóm nội dung giám sát khác		
4.1 Giám sát hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, phát hành cổ phiếu thường, phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	QLPH SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	QLKD SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
4.2 Giám sát về hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ đối với:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	QLPH SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	QLKD SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	

e) Công ty quản lý quỹ là tổ niêm yết, đăng ký giao dịch.	QLQ SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ.	QLQ	
4.3 Giám sát hoạt động chào mua công khai đối với:		
a) Công ty niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch.	QLPH SGDCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLPH	
c) Công ty chứng khoán thành viên.	QLKD SGDCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	QLKD	
e) Công ty quản lý quỹ là tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch, quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ bất động sản.	QLQ SGDCK	QLQ
f) Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng chưa niêm yết.	QLQ	
4.4 Giám sát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với chứng khoán đã lưu ký đối của các đối tượng sau:		
a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch.	SGDCK TTLKCK	QLPH
b) Công ty đại chúng chưa niêm yết.	TTLKCK	QLPH
c) Công ty chứng khoán thành viên.	TTLKCK	QLKD
d) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK.	TTLKCK	QLKD
e) Công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán tự quản lý vốn niêm yết.	TTLKCK	QLQ
f) Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán tự quản lý vốn niêm yết.	TTLKCK	QLQ
4.5 Giám sát các tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện thực hiện kiểm toán đối với:		
a) Tổ chức niêm yết.	SGDCK	QLPH
b) Tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng.	QLPH	QLPH
c) Công ty chứng khoán.	QLKD	QLPH
d) Công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán.	QLQ	QLPH
4.6 Giám sát việc tuân thủ các quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động đối với:		
a) Công ty chứng khoán thành viên.	QLKD SGDCK	QLKD
b) Công ty chứng khoán chưa đăng ký thành viên của SGDCK, văn phòng đại diện công ty chứng khoán nước ngoài ở Việt Nam.	QLKD	
c) Công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, ngân hàng lưu ký, giám sát.	QLQ	
4.7 Giám sát tuân thủ các quy định về người hành nghề chứng khoán.	QLKD QLQ	
4.8 Giám sát việc duy trì điều kiện hoạt động lưu ký chứng khoán, giám sát hoạt động lưu ký và báo cáo của các thành viên lưu ký là công ty chứng khoán và ngân hàng lưu ký, giám sát điều kiện và hoạt động báo cáo của ngân hàng thanh toán.	QLKD TTLKCK	QLKD



4.9 Giám sát việc tuân thủ các quy định phòng chống rửa tiền theo quy định về phòng chống rửa tiền và Quyết định 556/QĐ-UBCK ngày 11/7/2012.	QLKD TTLKCK	QLKD
4.10 Giám sát các tin đồn được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung thuộc giám sát tuyến 1 đã nêu tại Điểm 1 Mục II Nội dung giám sát của Quy chế này.	SGDCK QLPH QLKD QLQ GS	QLPH QLKD QLQ GS

2. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

TTLKCK chủ động phát hiện sớm các giao dịch có dấu hiệu vi phạm và thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và đề nghị của SGDCK để phối hợp thực hiện công tác giám sát theo một số nội dung sau:

- a) Giám sát việc duy trì điều kiện hoạt động lưu ký chứng khoán, giám sát hoạt động lưu ký và báo cáo của các thành viên lưu ký là công ty chứng khoán và ngân hàng lưu ký, giám sát điều kiện và hoạt động báo cáo của ngân hàng thanh toán theo quy định tại Quyết định 87/2007/QĐ-BTC.
- b) Khi phát hiện các giao dịch có dấu hiệu bất thường (tổng khối lượng các giao dịch đạt ngưỡng biến động trên 5% so với tổng khối lượng chứng khoán cùng loại đang lưu hành), TTLKCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN để kịp thời xem xét, xử lý.
- c) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, TTLKCK phải cung cấp danh sách số lượng cổ đông của công ty đại chúng chưa niêm yết và công ty đã niêm yết để UBCKNN xác định danh sách công ty đại chúng quy mô lớn và SGDCK giám sát trường hợp công ty đã niêm yết nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn về số lượng cổ đông theo quy định về điều kiện niêm yết.
- d) Xác định thông tin người có liên quan, xác định danh sách người sở hữu chứng khoán.
- e) Xác nhận việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán (đặc biệt là chuyển quyền sở hữu của cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, chuyển nhượng ngoài hệ thống sau khi có văn bản chấp thuận của UBCKNN).
- f) Xác định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền đối với chứng khoán đã đăng ký tại TTLKCK.
- g) Cung cấp các nội dung khác theo yêu cầu của UBCKNN.

3. Các đơn vị khác thuộc UBCKNN

3.1 Văn phòng

- a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối với mảng công bố thông tin, báo cáo của các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.
- b) Thực hiện chức năng giám sát quy chế làm việc của UBCKNN, giúp Lãnh

đạo UBCKNN theo dõi, đôn đốc, điều phối hoạt động của các đơn vị. Văn phòng giám sát quy trình thực hiện việc luân chuyển hồ sơ, tờ trình Lãnh đạo UBCKNN.

c) Thực hiện chức năng làm đầu mối tiếp nhận, chuyển hồ sơ/tài liệu đến các Vụ chức năng theo quy trình văn thư của UBCKNN.

3.2 Cơ quan đại diện UBCKNN tại Thành phố Hồ Chí Minh

Phối hợp với các đơn vị liên quan của UBCKNN thực hiện giám sát, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong việc chào bán chứng khoán ra công chúng, vi phạm pháp luật về công ty đại chúng, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.

3.3 Thanh tra UBCKNN

Thanh tra UBCKNN thực hiện xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán theo nội dung như sau:

a) Thanh tra UBCKNN có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo UBCKNN trong việc xử lý vi phạm theo đề nghị của các Vụ chức năng và SGDCK.

b) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng, Thanh tra UBCKNN có trách nhiệm tổng hợp tiến độ xử lý các vi phạm, báo cáo Lãnh đạo Ủy ban và gửi các đơn vị liên quan được biết.

III. QUY TRÌNH PHỐI HỢP

Trên cơ sở các nội dung và phạm vi trách nhiệm của các đơn vị được quy định tại Mục II Quy chế này, các đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện giám sát và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán như sau:

1. Quy trình phối hợp xử lý vi phạm về chế độ báo cáo và công bố thông tin

Bước 1: Xác định dấu hiệu vi phạm

– Đơn vị chủ trì (Vụ chức năng) tiếp nhận tài liệu báo cáo, tài liệu công bố thông tin nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm yêu cầu đối tượng giải trình.

– SGDCK, TTLKCK phát hiện ra dấu hiệu vi phạm, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo UBCKNN. Trường hợp vượt quá thẩm quyền cần khẩn trương báo cáo UBCKNN để có phương án xử lý. Sau khi Lãnh đạo Ủy ban phân công, Đơn vị chủ trì tiếp tục xem xét, xử lý.

– Đối với các vi phạm có thể xác định rõ bao gồm: vi phạm chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, vi phạm công bố thông tin về quản trị công ty, vi phạm công bố thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu họp ĐHĐCĐ, SGDCK công bố thông tin ngay trên phương tiện công bố thông tin của Sở, đồng thời báo cáo gửi hồ sơ vi phạm cho Thanh tra UBCKNN để xem xét xử lý vi phạm.

Bước 2: Phát hiện vi phạm

Vụ chức năng trên cơ sở xem xét các tài liệu giải trình, phối hợp với các đơn vị liên quan để xác định vi phạm và chuyển Thanh tra UBCKNN xử lý theo thẩm quyền.

Bước 3: Xử lý vi phạm

– Thanh tra phối hợp với Vụ chức năng, SGDCK, TTLKCK xử lý (trao đổi, cung cấp thông tin, yêu cầu giải trình thêm hoặc đề xuất cử đoàn kiểm tra, thanh tra để làm rõ). Trường hợp không đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra báo cáo Lãnh đạo Ủy ban đóng hồ sơ kết thúc vụ việc.

– Trường hợp đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra trình Lãnh đạo Ủy ban phương án xử lý vi phạm và thông báo lại kết quả xử lý cho các đơn vị liên quan được biết để tiếp tục giám sát.

2. Quy trình phối hợp xử lý vi phạm về thao túng, nội gián

Bước 1: Xác định dấu hiệu vi phạm

SGDCK, Vụ GS phân tích báo cáo giao dịch, phát hiện ra các giao dịch chứng khoán có dấu hiệu bất thường.

Bước 2: Phát hiện vi phạm

Vụ GS trên cơ sở các báo cáo của SGDCK hoặc các dấu hiệu do chính Vụ GS rà soát tại bước 1 chủ động phối hợp các đơn vị liên quan (bao gồm cả SGDCK, TTLKCK và các đối tượng giám sát) để xin ý kiến hoặc cung cấp số liệu (nếu cần thiết) trong việc xem xét làm rõ các hành vi vi phạm.

Trường hợp thấy có dấu hiệu vi phạm, Vụ GS trình Lãnh đạo Ủy ban tổ chức đoàn kiểm tra, thanh tra. Lãnh đạo Ủy ban tùy từng trường hợp phân công cho Thanh tra hoặc ủy quyền cho Vụ GS thực hiện kiểm tra. Trường hợp không phát hiện vi phạm, Thanh tra (hoặc Vụ GS) báo cáo Lãnh đạo Ủy ban đóng hồ sơ kết thúc vụ việc.

Bước 3: Xử lý vi phạm

Trường hợp phát hiện vi phạm, Thanh tra trình Lãnh đạo Ủy ban phương án xử lý vi phạm và thông báo lại kết quả xử lý cho các đơn vị liên quan được biết để tiếp tục giám sát.

3. Quy trình phối hợp xử lý vi phạm liên quan đến tin đồn

Bước 1: Xác định dấu hiệu vi phạm

Đơn vị chủ trì (Vụ chức năng) phát hiện có dấu hiệu vi phạm của các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chứng khoán qua các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và yêu cầu đối tượng giải trình.

SGDCK, TTLKCK phát hiện ra dấu hiệu vi phạm của các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chứng khoán qua các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khẩn trương báo cáo UBCKNN để có phương án xử lý. Sau khi Lãnh đạo Ủy ban phân công, đơn vị chủ trì tiếp tục thực hiện xem xét, xử lý.

Bước 2: Phát hiện vi phạm

Vụ chức năng trên cơ sở xem xét các tài liệu giải trình, phối hợp với các Đơn vị liên quan để xác định vi phạm và chuyển Thanh tra xử lý theo thẩm quyền.

Bước 3: Xử lý vi phạm

– Thanh tra phối hợp với Vụ chức năng, SGDCK, TTLKCK xử lý (trao đổi, cung cấp thông tin, yêu cầu giải trình thêm hoặc đề xuất cử đoàn kiểm tra, thanh tra để làm rõ). Trường hợp không đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra báo cáo Lãnh đạo Ủy ban đóng hồ sơ kết thúc vụ việc.

– Trường hợp đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra trình Lãnh đạo Ủy ban và thông báo lại kết quả xử lý cho các đơn vị liên quan được biết để tiếp tục giám sát.

4. Quy trình phối hợp xử lý vi phạm về quản trị công ty và các vi phạm khác

Bước 1: Xác định dấu hiệu vi phạm

Đơn vị chủ trì (Vụ chức năng) phát hiện có dấu hiệu vi phạm về quản trị công ty và các vi phạm khác theo nội dung tại Điểm 1, Mục II và yêu cầu đối tượng giải trình.

SGDCK, TTLKCK phát hiện ra dấu hiệu vi phạm về quản trị công ty và các vi phạm khác theo nội dung tại Điểm 1, Mục II xem xét xử lý theo thẩm quyền, khẩn trương báo cáo UBCKNN để có phương án xử lý. Sau khi Lãnh đạo Ủy ban phân công, đơn vị chủ trì tiếp tục thực hiện xem xét, xử lý.

Bước 2: Phát hiện vi phạm

Vụ chức năng trên cơ sở xem xét các tài liệu giải trình, phối hợp với các đơn vị liên quan để xác định vi phạm và chuyển Thanh tra xử lý theo thẩm quyền.



Bước 3: Xử lý vi phạm

– Thanh tra phối hợp với đơn vị chức năng, SGDCK, TTLKCK xử lý (trao đổi, cung cấp thông tin, yêu cầu giải trình thêm hoặc đề xuất cử đoàn kiểm tra, thanh tra để làm rõ). Trường hợp không đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra báo cáo Lãnh đạo Ủy ban đóng hồ sơ kết thúc vụ việc.

– Trường hợp đủ căn cứ xử lý vi phạm, Thanh tra trình Lãnh đạo Ủy ban phương án xử lý và thông báo lại kết quả xử lý cho các đơn vị liên quan được biết để tiếp tục giám sát.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Vụ Quản lý phát hành. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Vụ Quản lý phát hành xem xét, nghiên cứu và trình lãnh đạo Ủy ban để xử lý.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch UBCKNN quyết định./.